TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Y
Tỉnh Ninh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/ 2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/ 7/ 2017.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông An Viết Đương.
2. Ông Phạm Văn Công.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Khanh là Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Diện - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1984; có mặt.
Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đô , sinh năm 1983; vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành Đ sau hơn 1 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 3 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Mặt khác do công việc và chỗ ở của anh chị không ổn định nên trong cuộc sống chị và anh Đ thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vợ chồng chị không khắc phục được mâu thuẫn. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2008 cho đến nay. Trong thời gian này chị và anh Đ không liên lạc với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không về đoàn tụ được nên chị xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung (con riêng): Chị và anh Đ có một con chung là cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 25 tháng 7 năm 2006. Chị và anh Đ đều có khả năng , điều kiện nuôi dưỡng cháu T như nhau. Nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi cháu T và luôn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Nay vợ chồng chị ly hôn, cháu T có nguyện vọng ở với chị. Do vậy chị đề nghị Toà án giao cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 25 tháng 7 năm 2006 cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Chị và anh Đ không có con riêng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị đề nghị anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T là 700.000 đồng/ 1 tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay chị giữ nguyên yêu cầu đối với anh Đ về mức cấp dưỡng nhưng yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị và anh Đ không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên chị không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại văn bản tự khai ngày 31 tháng 3 năm 2017 bị đơn là anh Nguyễn Thành Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T sau khoảng 1 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 3 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫu. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống và làm ăn vợ chồng anh luôn bất đồng quan điểm. Cuộc sống vợ chồng nay đây mai đó không ổn định cũng làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng và gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2008 cho đến nay. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn , anh chị không về đoàn tụ được nên anh nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung(con riêng): Anh và chị T không có con riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 25 tháng 7 năm 2006 và hiện nay cháu đang ở với chị T. Về điều kiện nuôi dưỡng con của anh và chị T như nhau nhưng cháu T muốn ở với mẹ. Do vậy anh đề nghị Toà án giao cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 25 tháng 7 năm 2006 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T là 700.000đ/ 1 tháng kể từ vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom con chung. .

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh và chị T không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên anh không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình tố tụng đã thực hiện đúng các quy

định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình là vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa có ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 25 tháng 7 năm 2006 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T là 700.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Trương Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; anh Nguyễn Thành Đ phải nộp án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Thành Đ vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị T và anh Nguyễn Thành Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến va chạm, mâu thuẫn. Thực tế chị T và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2008 cho đến nay. Chị T xin ly hôn, có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và anh Đ cũng nhất trí ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh Đ đều có lời khai xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn .

3/ Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị T và anh Nguyễn Thành Đ đều đề nghị Tòa án giao Nguyễn Quang T sinh ngày 25 tháng 7 năm 2006 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T là 700.000đ/ 1 tháng kể từ vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Căn cứ vào biên bản ghi nguyện vọng của con ngày 21 tháng 4 năm 2017 thì cháu Nguyễn Quang T có nguyện vọng ở với mẹ là chị Trương Thị T .

Xét thấy việc giao cháu T cho chị T nuôi và anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung sẽ đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất về sức khỏe, tâm sinh lý của cháu. Tại phiên tòa chị T yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T là 700.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi

để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu T. Căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con khi ly hôn của nguyên đơn .

Chị T và anh Đ không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về tài sản chung (riêng) công nợ và đất nông nghiệp: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Thành Đ không tài sản chung (riêng) công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trương Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và anh Nguyễn Thành Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ .

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên .

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Thành Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang T sinh ngày 25 tháng 7 năm 2006 cho chị Trương Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T định kỳ hàng tháng là 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/ 2013/ 0001654 ngày 17 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình .

Anh Nguyễn Thành Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y .
- Chi cục THA dân sự huyện Y.
- UBND xã T, huyện Y.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.